

Số: 833 /TM-KSBT Bình Thuận, ngày 13 tháng 6 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận có nhu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng kế hoạch mua sắm thiết bị y tế phục vụ cho hoạt động của đơn vị năm 2025, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận.
- Địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Cách thức thức nhận báo giá (một trong các hình thức sau):
 - Nộp qua địa chỉ email: vanthuksbt@syt.binhthuan.gov.vn
 - Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận tại địa chỉ: Đường Lê Duẩn, phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Số điện thoại: 0252.3834.536
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 16h00 ngày 13 tháng 6 năm 2025 đến trước 8h00 ngày 24 tháng 6 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực báo giá: Tối thiểu **120** ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục yêu cầu báo giá (phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp: Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Thuận.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh kính mời các đơn vị có đủ khả năng, năng lực tham gia chào giá theo các yêu cầu nêu trên.

Rất mong được sự hợp tác của các đơn vị ./.

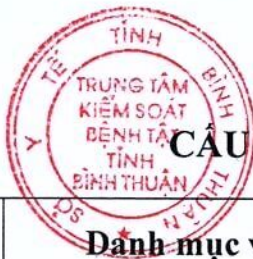
Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế (Báo cáo);
- Các Phó giám đốc TTKSBT (để biết);
- Website: <https://cdcbinhthuan.vn>
- Lưu: VT, KHN.



GIÁM ĐỐC

Võ Văn Hạnh



CẦU HÌNH, TÍNH NĂNG KỸ THUẬT THIẾT BỊ

STT	Danh mục và Cấu hình, tính năng kỹ thuật thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy phân tích nước tiểu I. Yêu cầu chung - Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau. - Chất lượng thiết bị: Mới 100% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Nguồn điện: 220V, 50Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ - Xuất xứ máy chính: Nhóm các quốc gia OECD hoặc nhóm các quốc gia liên minh Châu Âu (Khối EU) hoặc Nhóm các quốc gia thuộc G7 II. Yêu cầu cấu hình - Máy chính: 01 cái - Máy in nhiệt tích hợp kèm giấy in nhiệt: 01 bộ - Hộp que thử nước tiểu sử dụng ban đầu: 01 hộp - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ III. Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật - Phương pháp đo: Phản xạ quang học hoặc tương đương - Bước sóng đo (tối thiểu): 525nm và 625nm, sai số $\pm 5\%$ - Công suất: ≥ 60 test/giờ	Máy	01
2	Máy đông máu I. Yêu cầu chung - Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau. - Chất lượng thiết bị: Mới 100% - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 - Nguồn điện: 220V, 50Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ - Xuất xứ máy chính: Liên minh Châu Âu (Khối EU) hoặc Nhóm các quốc gia thuộc G7 II. Yêu cầu cấu hình - Máy chính kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ - Bộ hóa chất chạy thử ban đầu (PT, APTT, Fibrinogen): 01 bộ - Máy in nhiệt tích hợp và giấy in nhiệt: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ	Máy	01



STT	Danh mục và Cấu hình, tính năng kỹ thuật thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	III. Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật - Phương pháp đo: Tán xạ ánh sáng hoặc Quang – cơ. - Có chức năng tự khởi động đo khi bơm mẫu vào - Có vị trí kiểm soát nhiệt độ Cuvette ở 37°C ($\pm 0,5^{\circ}\text{C}$) - Có vị trí ủ hóa chất ở 37°C ($\pm 0,5^{\circ}\text{C}$) - Có sử dụng được hóa chất mở		
3	Cân xác định độ ẩm I. Yêu cầu chung - Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau. - Chất lượng thiết bị: Mới 100% - Nguồn điện: 220V, 50Hz - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ II. Yêu cầu cấu hình - Máy chính: 01 cái - Đĩa nhôm: 10 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ III. Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật - Máy chính có màn hình hiển thị - Có cửa sổ quan sát mẫu - Phương pháp gia nhiệt: Đèn Halogen hoặc tương đương. - Chế độ sấy: Có ≥ 4 chế độ sấy - Tối thiểu hiển thị các kết quả sau khi sấy khô: Độ ẩm (%); Trọng lượng khô (%); ATRO (%); Khối lượng còn lại (g). - Có chức năng chọn chế độ tự động dừng và dừng tự do - Thông số kỹ thuật: + Phạm vi cân tối đa $\geq 60\text{g}$; độ chính xác $\leq 0,001\text{g}$ + Phạm vi đo độ ẩm của mẫu từ 0% đến 100% + ATRO (%): Từ 0% đến $\geq 999\%$ + Khoảng nhiệt độ sấy: Điều chỉnh được từ $\leq 50^{\circ}\text{C}$ đến $\geq 200^{\circ}\text{C}$	Cái	01
4	Bộ thiết bị lấy mẫu hơi hóa chất I. Yêu cầu chung - Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau. - Chất lượng thiết bị: Mới 100% - Nguồn điện: Sử dụng Pin - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$	Bộ	01

STT	Danh mục và Cấu hình, tính năng kỹ thuật thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ II. Yêu cầu cấu hình - Bơm lấy mẫu và phụ kiện kèm theo, bao gồm: + Bơm lấy mẫu: 01 cái + Vỏ bảo vệ: 01 cái + Lọc lỗ $35\mu\text{m}$, $\varnothing 16,5\text{mm}$: 05 cái + Sạc pin: 01 cái + Cáp USB: 01 cái - Lưu lượng kế điện tử và phụ kiện kèm theo, bao gồm: + Lưu lượng kế điện tử: 01 cái + Sạc pin: 01 cái + Cáp USB: 01 cái + Bộ kết xuất: 01 bộ + Ống mềm trong suốt (dài 20cm): 02 cái - Bộ dụng cụ lấy mẫu khí vô cơ trong không khí, bao gồm: + Ống impinger 25ml, không xốp, có chia vạch: 03 ống + Ống impinger 25ml, có xốp, có chia vạch: 03 ống + Giá đỡ ống impinger 25ml loại 3 vị trí: 01 cái - Bộ dụng cụ lấy mẫu khí hữu cơ trong không khí, bao gồm: + Ống hấp thụ than hoạt tính, $6 \times 70\text{mm}$, 50/100mg: 50 ống + Dụng cụ bẻ ống hấp phụ: 01 cái + Dụng cụ lưu lượng thấp: 01 cái + Giá kẹp dụng cụ lưu lượng thấp: 01 cái - Phụ kiện, phụ trợ, bao gồm: + Ống dây dài $\geq 2\text{m}$: 02 ống + Bộ giá đỡ 3 chân: 01 bộ + Vít: 01 cái + Đai ốc: 01 cái + Tuốc nơ vít: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ III. Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật - Bơm lấy mẫu: + Có màn hình hiển thị LCD hoặc tương đương + Lưu lượng lấy mẫu: Tối đa ≥ 5 lít/phút + Cài đặt được lưu lượng và thời gian lấy mẫu + Có chức năng tự động tắt trong một khoảng thời gian + Pin sạc Li-ion hoặc tương đương: Dung lượng ≥ 5400 mAh + Bộ nhớ: ≥ 55 đại lượng đo - Lưu lượng kế điện tử: + Có màn hình hiển thị LCD hoặc tương đương + Dải đo lưu lượng: Từ $\leq 0,001$ lít/phút đến ≥ 5 lít/phút, độ		

TỈNH
HUNG TÂY
HỆM SỞ
NH TẬP
TỈNH
THUẬN
* N

STT	Danh mục và Cấu hình, tính năng kỹ thuật thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	chính xác $\leq 2\%$ + Dải đo nhiệt độ: Từ 0°C đến $\geq 50^{\circ}\text{C}$, độ chính xác $\leq 1^{\circ}\text{C}$ + Dải đo áp suất: Từ $\leq 260\text{ hPa}$ đến $\geq 1260\text{ hPa}$, độ phân giải $\leq 1\text{ hPa}$ + Pin sạc Li-ion hoặc tương đương: Thời gian hoạt động tối thiểu ≥ 30 giờ		
5	Phế dung kế (EC) I. Yêu cầu chung - Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau. - Chất lượng thiết bị: Mới 100% - Nguồn điện: 220V, 50Hz hoặc Pin sạc - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ - Xuất xứ máy chính: Liên minh Châu Âu (Khối EU) hoặc Nhóm các quốc gia thuộc G7 II. Yêu cầu cấu hình - Máy chính: 01 bộ - Phần mềm đo chức năng hô hấp: 01 bộ - Bộ phụ kiện kèm theo, bao gồm: + Tay cầm cảm biến (Flowmeter): 01 bộ + Dây đo SpO2: 01 bộ + Tuabin dùng 1 lần có ống ngậm giấy: 60 cái + Ống ngậm nhựa trắng dùng nhiều lần: 01 ống + Kẹp mũi: 01 cái + Lọc khuẩn dùng một lần: 01 cái + Túi đựng máy: 01 cái + Cáp USB kết nối máy tính: 01 cái + Pin sạc và bộ sạc pin: 01 bộ + Máy in nhiệt tích hợp kèm giấy in nhiệt: 01 bộ - Máy vi tính xách tay: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ III. Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật - Máy chính có màn hình cảm ứng, kích thước ≥ 7 inch - Các thông số đo (tối thiểu): FVC, FEV1, FEV1/FVC%, FEV1/PEF, FEV1/VC, FEV1/FEV0.5, PEF Time, FEV 0.5, FEV0.5/FVC, FEV0.75, FEV0.75/FVC, FEV2, FEV2/FVC, FEV3, FEV3/FVC, FEV6, FEV1/FEV6, PEF, FEF25, FEF50, FEF75, FEF2575, FEF7585, FET, Vext, ELA, EVOL, FIVC,	Bộ	01

STT	Danh mục và Cấu hình, tính năng kỹ thuật thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	FIV1, PIF, FIV1/FIVC, FIF25, FIF50, FIF75, R50, MVVcal, PIF, IRV, VC, EVC, IVC, IC, ERV, IRV, FEV1/VC, TV, VE, RR, ti, te, ti/t-tot, tv/ti, MVV - Thực hiện được phép đo trên máy vi tính. - Cảm biến nhiệt độ: Dải đo từ 0oC đến $\geq 45oC$ - Cảm biến lưu lượng: Tua bin số 2 chiều hoặc tương đương. - Lưu trữ: ≥ 10.000 phép đo hoặc 500 giờ khi đo SpO2 - Dải đo: + Dải đo thể tích: Tối đa ≥ 10 lít, độ chính xác $\leq 3\%$ hoặc $\leq 50ml$ + Dải đo lưu lượng: $\pm \geq 16$ lít/giây, độ chính xác $\pm \leq 5\%$ hoặc ≤ 200 ml/giây - Có chức năng đo SpO2 đầu ngón tay: + Phạm vi đo SpO2: Từ 0 đến $\geq 99\%$, độ chính xác $\pm \leq 2\%$ + Phạm vi đo nhịp tim: Từ ≤ 20 nhịp/phút đến ≥ 300 nhịp/phút, độ chính xác $\pm \leq 2$ nhịp/phút hoặc $\pm \leq 2\%$ - Máy vi tính xách tay: Core i5 trở lên; RAM $\geq 4GB$; Ổ cứng SSD $\geq 128GB$		
6	Bộ thiết bị lấy mẫu bụi không khí I. Yêu cầu chung - Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau. - Chất lượng thiết bị: Mới 100% - Nguồn điện: 220V, 50Hz hoặc Sử dụng pin - Môi trường hoạt động: + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}C$ + Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$ - Xuất xứ máy chính: Liên minh Châu Âu (Khởi EU) hoặc Nhóm các quốc gia thuộc G7 II. Yêu cầu cấu hình - Máy chính: 01 cái - Phụ kiện, vật tư kèm theo, bao gồm: + Trống giữ giấy lọc 37 mm trong, loại 2 tầng: 50 cái + Trống giữ giấy lọc 37 mm trong, loại 3 tầng: 50 cái + Dụng cụ mở trống: 01 cái + Cyclone bằng nhôm bao gồm giá đỡ cyclone/trống: 01 cái + Bộ nối hiệu chỉnh: 01 bộ + Tấm giấy lọc PVC 37 mm, lỗ 5,0 μm: 100 cái	Bộ	2



STT	Danh mục và Cấu hình, tính năng kỹ thuật thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng
	+ Tấm đệm bằng cellulose: 100 cái + Nhíp gấp giấy lọc bằng nhựa: 01 cái + Ống dây dài $\geq 2\text{m}$: 02 ống + Vít: 01 cái + Đai ốc: 01 cái + Tuốc nơ vít: 01 cái + Giá để kẹp giá đỡ: 01 cái + Giá đỡ 3 chân kèm túi: 01 cái + Hộp đựng: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ III. Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật - Có tích hợp bộ điều khiển lưu lưu cho phép điều chỉnh lưu lượng tự động - Loại bơm: + Bơm màng, hai đầu + Dải lưu lượng: Từ $\leq 0,1$ lít/phút đến ≥ 5 lít/phút, độ chính xác $\leq 2\%$		